Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, No.11, 382-386

HEALTHCARE NEEDS AMONG THE ELDERLY IN DIEM THUY COMMUNE, THAI NGUYEN PROVINCE IN 2025

Pham Gia Thanh[1], Tran The Hoang[2]*, Hoang Thi Quyen[3], Tran Van Hop[2], Nguyen Thi Quyen[2]

[1]*Thanh Hoa provincial General Hospital - 181 Hai Thuong Lan Ong, Hac Thanh ward, Thanh Hoa province, Vietnam*
[2]*University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen University - 284 Luong Ngoc Quyen, Phan Dinh Phung ward, Thai Nguyen province, Vietnam*
[3]*Diem Thuy commune Health Station - Thuan Phap hamlet, Diem Thuy commune, Thai Nguyen province, Vietnam*

Received: 31/07/2026
Reviced: 16/09/2026; Accepted: 19/11/2026

ABSTRACT

Objective: To describe the healthcare needs among the elderly in Diem Thuy commune, Thai Nguyen province in 2025.

Subjects and methods: A cross-sectional descriptive study was conducted on 386 elderly people in Diem Thuy commune, Thai Nguyen province from September 2025 to March 2026.

Results: The proportion of elderly with medical healthcare needs was 71.5%; the need for routine health check-ups was 93.3%. The proportion of elderly for needing home healthcare was 73.8%; blood pressure and blood sugar checks at home was 77.7%; home health check-ups was 68.4%; home treatment and rehabilitation was 67.1%; needing caregiver was 30.8%. The porportion of elderly needing to hear health education was 90.4%; needing information from healthcare workers at regional hospitals was 54.4%, and commune health workers was 40.4%. The proportion of elderly wishing to receive treatment at regional hospitals was 49.2% and at commune health stations was 26.9%; wishing to be exempt from hospital fees was 54.4%.

Conclusion: The healthcare needs among the elderly in Diem Thuy commune, Thai Nguyen province are high. It is necessary to strengthen the provision of healthcare services by commune health stations, especially routine health check-ups.

Keywords: Needs, healthcare, elderly.

*Corresponding author
Email: tranthehoang0410@gmail.com **Phone**: (+84) 912130410 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i11.7189

NHU CẦU CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI CAO TUỔI TẠI XÃ ĐIỀM THỤY, TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2025

Phạm Gia Thành[1], Trần Thế Hoàng[2]*, Hoàng Thị Quyên[3], Trần Văn Hợp[2], Nguyễn Thị Quyên[2]

[1]Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa - 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
[2]Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên - 284 Lương Ngọc Quyến, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
[3]Trạm Y tế xã Điềm Thụy - xóm Thuần Pháp, xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ngày nhận bài: 31/07/2026
Ngày chỉnh sửa: 16/09/2026; Ngày duyệt đăng: 19/11/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 386 người cao tuổi tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên từ tháng 9/2025 đến tháng 3/2026.

Kết quả: Tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu chăm sóc y tế là 71,5%; có nhu cầu được khám sức khỏe định kỳ là 93,3%. Tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu được chăm sóc sức khỏe tại nhà là 73,8%; được kiểm tra huyết áp, đường huyết tại nhà 77,7%; được kiểm tra sức khỏe tại nhà 68,4%; được điều trị bệnh, phục hồi chức năng tại nhà 67,1%; nhu cầu cần người chăm sóc là 30,8%. Tỷ lệ người cao tuổi có nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe là 90,4%; nhu cầu nghe thông tin từ cán bộ y tế bệnh viện khu vực 54,4% và cán bộ y tế xã 40,4%. Tỷ lệ người cao tuổi mong muốn được điều trị khi bị ốm tại bệnh viện khu vực là 49,2% và trạm y tế xã là 26,9%; mong muốn được miễn viện phí là 54,4%.

Kết luận: Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên chiếm tỷ lệ cao. Cần đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của trạm y tế xã, đặc biệt là khám sức khỏe định kỳ.

Từ khóa: Nhu cầu, chăm sóc sức khỏe, người cao tuổi.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ năm 2011, Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số làm cho số lượng người cao tuổi (NCT) tăng nhanh. Trong giai đoạn 2009-2019, dân số cao tuổi tại Việt Nam tăng tới 4,35%/năm và dự báo tỷ lệ NCT sẽ tăng lên 26,0% vào năm 2050 [1]. Dân số cao tuổi tăng nhanh đặt ra những thách thức lớn về hệ thống an sinh xã hội, lao động việc làm... và nhất là hoạt động chăm sóc sức khỏe cho NCT. Thực tế cho thấy nhu cầu chăm sóc sức khỏe của NCT cũng đang rất cao. Nghiên cứu của Võ Văn Thắng và cộng sự (2021) thấy tỷ lệ NCT có nhu cầu kiểm tra sức khỏe định kỳ là 79,4%; nhu cầu tư vấn sức khỏe 70,9%; nhu cầu chăm sóc tại nhà 73%, phục hồi chức năng 64,3% và chăm sóc giảm nhẹ 64,8% [2]. Theo Phùng Thị Thắm và cộng sự (2023), tỷ lệ NCT có nhu cầu khám sức khỏe định kỳ là 83,87%, nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà 72,6%; nhu cầu tư vấn sức khỏe 62,61%; nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ 58,77% và nhu cầu phục hồi chức năng 55,44% [3].

Xã Điềm Thụy nằm ở phía Nam của tỉnh Thái Nguyên, có dân số hơn 41.800 người (năm 2025) với 14,5% là NCT. Trước xu hướng NCT tăng nhanh và thay đổi mô hình bệnh tật thì việc đánh giá nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT trên địa bàn là việc làm hoàn toàn cần thiết. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu mô tả nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên năm 2025.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

NCT (≥ 60 tuổi) tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: NCT đang sinh sống, có hộ khẩu tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên; có khả năng trả lời câu hỏi nghiên cứu; đồng ý tham gia nghiên cứu.
- Tiêu chuẩn loại trừ: sinh sống trên địa bàn < 6 tháng.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại xã Điềm Thụy, tỉnh Thái Nguyên trong thời gian từ tháng 9/2025 đến tháng 3/2026.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang.
- Cỡ mẫu được tính theo công thức ước lượng một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n là cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu; p là tỷ lệ ước định, chọn p = 0,446 (theo nghiên cứu của Nguyễn Văn Sai năm 2014 cho kết quả 44,6% NCT đánh giá tình trạng sức khỏe không tốt [4]); d là độ chính xác mong muốn, chọn d = 0,05; α là mức ý nghĩa thống kê, chọn α = 0,05.

Thay vào công thức, tính được cỡ mẫu tối thiểu cần nghiên cứu là 379,7, làm tròn 380. Thực tế đã điều tra 386 NCT tham gia nghiên cứu.

*Tác giả liên hệ
Email: tranthehoang0410@gmail.com **Điện thoại:** (+84) 912130410 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i11.7189

- Kỹ thuật chọn mẫu: chọn xóm (chọn ngẫu nhiên 4 xóm trong tổng 16 xóm bằng phương pháp bốc thăm), chọn NCT (tại mỗi xóm lập danh sách NCT, chọn ngẫu nhiên 95 NCT từ danh sách NCT của xóm đó bằng phần mềm SPSS 25.0).

2.4. Chỉ số nghiên cứu

- Phân bố đặc điểm tuổi, giới, dân tộc, trình độ học vấn và tình trạng hôn nhân, kinh tế hộ gia đình của NCT tham gia nghiên cứu
- Tỷ lệ nhu cầu chăm sóc sức khỏe về y tế của NCT.
- Tỷ lệ nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà của NCT.
- Tỷ lệ nhu cầu truyền thông - giáo dục sức khỏe của NCT.
- Tỷ lệ nhu cầu khám chữa bệnh khi bị ốm và nhu cầu tham gia hoạt động của NCT.

2.5. Công cụ và kỹ thuật thu thập số liệu

Nghiên cứu viên phỏng vấn trực tiếp qua bộ công cụ đã được soạn sẵn cho 386 NCT tại xã Điềm Thụy.

2.6. Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được mã hóa, nhập liệu và phân tích bằng phần mềm SPSS 25.0: thống kê mô tả số lượng và tỷ lệ % với các biến định tính.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được tiến hành sau khi được thông qua Hội đồng Khoa học Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên (Quyết định số 1785/QĐ-ĐHYD).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Đặc điểm chung của NCT tham gia nghiên cứu (n = 386)

Chỉ số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	60-69 tuổi	197	51,0
	70-79 tuổi	136	35,2
	≥ 80 tuổi	53	13,8
Giới tính	Nam	157	40,7
	Nữ	229	59,3
Dân tộc	Kinh	318	82,4
	Khác (Tày, Nùng, Dao...)	68	17,6
Trình độ học vấn	≤ Tiểu học	107	27,7
	Trung học cơ sở	110	28,5
	Trung học phổ thông	111	28,8
	≥ Trung cấp	58	15,0
Tình trạng hôn nhân	Đang sống chung với vợ/chồng	305	79,0
	Ly thân/ly dị/góa/khác	81	21,0
Kinh tế hộ gia đình	Hộ nghèo	32	8,3
	Hộ cận nghèo	33	8,5
	Đủ ăn	321	83,2

NCT thuộc nhóm tuổi từ 60-69 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (51%). Phần lớn NCT là dân tộc Kinh (82,4%). Tỷ lệ nam là 40,7%; trình độ học vấn trung học phổ thông chiếm 28,8%. Tỷ lệ NCT đang sống chung với vợ/chồng chiếm 79%; thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo là 16,8%.

Bảng 2. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe về y tế của NCT (n = 386)

Chỉ số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhu cầu chăm sóc y tế	Có	276	71,5
	Không	110	28,5
Nhu cầu khám sức khỏe định kỳ	Có	360	93,3
	Không	26	6,7
Số lần khám sức khỏe định kỳ mong muốn	3 tháng 1 lần	104	26,9
	6 tháng 1 lần	213	55,2
	1 năm 1 lần	69	17,9
Trạm y tế có tổ chức khám sức khỏe định kỳ	Có	358	92,7
	Không	28	7,3
Đã đi khám sức khỏe định kỳ	Có	294	76,2
	Không	92	23,8

Tỷ lệ NCT có nhu cầu chăm sóc y tế là 71,5%; có nhu cầu được khám sức khỏe định kỳ là 93,3%; tỷ lệ mong muốn khám 6 tháng 1 lần là 55,2%; 3 tháng 1 lần là 26,9%. Tỷ lệ NCT nhận định trạm y tế có tổ chức khám sức khỏe định kỳ là 92,7% và tỷ lệ đã đi khám là 76,2%.

Bảng 3. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà của NCT (n = 386)

Chỉ số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà	Có	285	73,8
	Không	101	26,2
Theo dõi huyết áp, đường huyết	Có	300	77,7
	Không	86	22,3
Kiểm tra sức khỏe tại nhà	Có	264	68,4
	Không	122	31,6
Điều trị bệnh, phục hồi chức năng tại nhà	Có	259	67,1
	Không	127	32,9
Nhu cầu cần người chăm sóc	Có	119	30,8
	Không	267	69,2
Người chăm sóc chính mà NCT mong muốn (n = 119)	Vợ/chồng	59	49,6
	Con đẻ	51	42,9
	Con dâu/rể	6	5,0
	Khác	3	2,5

Tỷ lệ NCT có nhu cầu được chăm sóc sức khỏe tại nhà là 73,8%; tỷ lệ có nhu cầu được kiểm tra huyết áp, đường huyết tại nhà 77,7%; được kiểm tra sức khỏe tại nhà 68,4%; được điều trị bệnh, phục hồi chức năng tại nhà 67,1%; có 30,8% NCT có nhu cầu cần người chăm sóc.

Bảng 4. Nhu cầu truyền thông - giáo dục sức khỏe của NCT (n = 386)

Chỉ số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe	Có	349	90,4
	Không	37	9,6
Nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe cụ thể (n = 349)	Hướng dẫn phòng bệnh	235	67,3
	Chăm sóc bệnh ở NCT	252	72,2
	Hướng dẫn tự chăm sóc sức khỏe	262	75,1
	Hoạt động thể lực cho NCT	124	35,5
	Chế độ dinh dưỡng cho NCT	288	82,5
	Điều trị đau cho NCT	305	87,4

Chỉ số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Người cung cấp thông tin truyền thông - giáo dục sức khỏe mong muốn (n = 349)	Cán bộ y tế bệnh viện khu vực	190	54,4
	Cán bộ y tế xã	141	40,4
	Nhân viên y tế thôn bản	43	12,3
	Trưởng thôn	24	6,9
	Khác (dược sĩ quầy thuốc...)	36	10,3

Tỷ lệ NCT có nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe là 90,4%. Nhu cầu nghe về điều trị đau chiếm 87,4%; chế độ dinh dưỡng 82,5%; chăm sóc bệnh 72,2% và hướng dẫn phòng bệnh 67,3%. Nguồn thông tin mong muốn là từ cán bộ y tế xã bệnh viện khu vực 54,4%; cán bộ y tế xã 40,4%.

Bảng 5. Nhu cầu khám chữa bệnh khi bị ốm và tham gia hoạt động của NCT (n = 386)

Chỉ số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Địa điểm có nhu cầu khám chữa bệnh khi bị ốm	Tại nhà	29	7,5
	Trạm y tế xã	104	26,9
	Bệnh viện khu vực	190	49,2
	Bệnh viện tỉnh	52	13,5
	Khác	11	2,8
Nhu cầu của NCT khi đi khám tại cơ sở y tế	Miễn viện phí	210	54,4
	Giảm viện phí	61	15,8
	Thu viện phí bình thường	7	1,8
	Cấp thẻ bảo hiểm y tế	103	26,7
	Khác	5	1,3
Tham gia hoạt động (câu lạc bộ dưỡng sinh...)	Có	331	85,8
	Không	55	14,2

Tỷ lệ NCT có nhu cầu được điều trị khi bị ốm tại bệnh viện khu vực là 49,2% và bệnh viện tỉnh là 13,5%. Tỷ lệ NCT có nhu cầu được miễn viện phí là 54,4% và cấp thẻ bảo hiểm y tế là 26,7%. Tỷ lệ NCT có nhu cầu tham gia hoạt động (câu lạc bộ dưỡng sinh...) 85,8%.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cho thấy: NCT thuộc nhóm 60-69 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (51%); tỷ lệ nữ 59,3%; tỷ lệ người dân tộc Kinh 82,4%; trình độ học vấn ≤ tiểu học 27,7%. Tỷ lệ không sống chung với vợ/chồng 21% và thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo là 16,8%. Kết quả này có đôi chút tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Đức Toàn (2022): NCT từ 60-69 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (50%), nữ giới chiếm 60,3%; dân tộc Tày chiếm 27%; trình độ học vấn ≤ tiểu học chiếm 47,2% [5]. Sơ bộ nhận định thấy NCT tại xã Điềm Thụy có trình độ học vấn và điều kiện kinh tế chưa cao; nhiều người không sống cùng vợ/chồng. Kết quả này ảnh hưởng đến vấn đề tiếp thu các thông tin y tế, đặc biệt thông tin liên quan đến giáo dục sức khỏe, qua đó sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của NCT trên địa bàn.

Bảng 2 cho thấy tỷ lệ NCT có nhu cầu chăm sóc y tế 71,5%; mong muốn được khám sức khỏe định kỳ là 93,3%; tỷ lệ mong muốn khám 6 tháng 1 lần là 55,2%. Tỷ lệ NCT nhận định trạm y tế xã có tổ chức khám sức khỏe định kỳ là 92,7% và tỷ lệ đã đi khám là 76,2%. So sánh với nghiên cứu của Nguyễn Văn Sai (2014) về nhu cầu chăm sóc y tế của NCT tại hai huyện tỉnh Hải Dương cho kết quả: có 16,7% NCT có nhu cầu chăm sóc y tế ở mức cao, 52,1% ở mức trung bình và 31,2% ở mức thấp [4]. Nghiên cứu của Võ Văn Thắng và cộng sự (2021) trên 932 NCT tại Thừa Thiên Huế thấy nhu cầu kiểm tra sức khỏe định kỳ chiếm tỷ lệ cao nhất với 79,4% [2]. Nghiên cứu của Quách Hữu Trung và cộng sự (2021) cho kết quả: tỷ lệ NCT có nhu cầu chăm sóc nội trú ban ngày vào các ngày thường là 58,5% [6]. Nghiên cứu của Phùng Thị Thắm và cộng sự (2023) về nhu cầu chăm sóc sức khỏe của NCT cho kết quả: NCT có nhu cầu cao nhất về khám sức khỏe định kỳ với 83,87% [3]. Theo Trần Thái Phúc (2024), 34% NCT có nhu cầu chăm sóc bệnh mạn tính; 13,3% có nhu cầu chăm sóc cuối đời; 64% nhu cầu theo dõi định kỳ [7]. Nhận định chung cho thấy nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả nhu cầu chăm sóc y tế, khám sức khỏe định kỳ cao hơn so với một số nghiên cứu trước.

Về nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà, nghiên cứu của chúng tôi cho kết quả: tỷ lệ NCT mong muốn được chăm sóc sức khỏe tại nhà là 73,8%; tỷ lệ mong muốn được kiểm tra huyết áp, đường huyết tại nhà 77,7%; được kiểm tra sức khỏe tại nhà 68,4%; được điều trị bệnh, phục hồi chức năng tại nhà 67,1%. Với tình trạng sức khỏe hiện tại, có 30,8% NCT có nhu cầu cần người chăm sóc, trong đó người chăm sóc chính là vợ/chồng chiếm 49,6% và con đẻ là 42,9%. So sánh với nghiên cứu của Nguyễn Văn Sai (2014) thấy có 40,7% NCT có nhu cầu cần người chăm sóc và mong muốn người chăm sóc chính là vợ/chồng (43,6%), con đẻ (42,9%) [4]. Nghiên cứu của Võ Văn Thắng và cộng sự (2021) thấy nhu cầu tư vấn sức khỏe 70,9%; chăm sóc tại nhà 73%; phục hồi chức năng 64,3% và chăm sóc giảm nhẹ 64,8% [2]. Nghiên cứu của Phùng Thị Thắm và cộng sự (2023) về nhu cầu chăm sóc sức khỏe của NCT thấy nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà với 72,6%; nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ 58,77% và thấp nhất là nhu cầu phục hồi chức năng với 55,44% [3]. Nghiên cứu Trần Thái Phúc (2024) cho kết quả về chăm sóc sức khoẻ tại nhà: 85% NCT có nhu cầu chăm sóc sức khoẻ tại nhà; 48,6% có nhu cầu khám tại nhà [7]. Theo Vũ Thị Cúc và cộng sự (2024), 45,1% NCT có nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà [8]. Mỗi nghiên cứu cho một kết quả khác nhau phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng nghiên cứu và địa bàn nghiên cứu.

Về nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe: tỷ lệ NCT có nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe là 90,4%. Nội dung mong muốn nghe về điều trị đau chiếm 87,4%; chế độ dinh dưỡng 82,5%; chăm sóc bệnh 72,2% và hướng dẫn phòng bệnh 67,3%. Nguồn thông tin mong muốn là từ cán bộ y tế bệnh viện khu vực 54,4%; cán bộ y tế xã 40,4%. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Sai (2014) thấy toàn bộ NCT (100%) muốn nhận được thông tin chăm sóc sức khỏe và người cung cấp thông tin là cán bộ y tế (69%) [4]. Theo Phùng Thị Thắm và cộng sự (2023), nhu cầu tư vấn sức khỏe của NCT là 62,61% [3]. Theo Trần Thái Phúc (2024), 47,1% NCT có nhu cầu cung cấp thông tin về bệnh mạn tính; 69,8% có nhu cầu thông tin về sử dụng thuốc; 58,3% có nhu cầu thông tin về dự phòng bệnh tái phát; 39,5% nhu cầu thông tin về kiểm soát cơn đau và 5,7%

nhu cầu tư vấn về dinh dưỡng [7]. Kết quả của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Văn Sai và cũng là minh chứng cho thấy cần tăng cường truyền thông - giáo dục sức khỏe cho NCT trên địa bàn nghiên cứu.

Bảng 5 cho thấy tỷ lệ NCT mong muốn được điều trị khi bị ốm tại bệnh viện khu vực là 49,2% và bệnh viện tỉnh là 13,5%. Tỷ lệ NCT mong muốn được miễn viện phí là 54,4% và cấp thẻ bảo hiểm y tế là 26,7%. Tỷ lệ mong muốn tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe cho NCT (câu lạc bộ dưỡng sinh, câu lạc bộ bóng chuyền hơi...) 85,8%. So sánh với nghiên cứu của Nguyễn Văn Sai (2014) thấy có 61,7% NCT muốn được khám, chữa bệnh tại trạm y tế xã. Có 78% NCT muốn được điều trị bằng thuốc tây y; 57,6 NCT muốn được miễn viện phí và 26,6% muốn được cấp thẻ bảo hiểm y tế [4]. Nghiên cứu của Nguyễn Đức Toàn (2022) thấy tỷ lệ NCT mong muốn được điều trị khi bị ốm tại bệnh viện huyện là 49,1% và bệnh viện tỉnh là 13,4%. Tỷ lệ NCT mong muốn được miễn viện phí là 54,5% và được cấp thẻ bảo hiểm y tế là 26,8% [5].

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ NCT có nhu cầu chăm sóc y tế 71,5%, trong đó hầu hết là có nhu cầu được khám sức khỏe định kỳ. Đa phần NCT có nhu cầu được chăm sóc sức khỏe tại nhà (73,8%), trong đó tỷ lệ có nhu cầu được kiểm tra huyết áp, đường huyết tại nhà; kiểm tra sức khỏe tại nhà; điều trị bệnh, phục hồi chức năng tại nhà dao động từ 67,1-77,7%; nhu cầu cần người chăm sóc là 30,8%. NCT có nhu cầu nghe truyền thông - giáo dục sức khỏe chiếm tỷ lệ rất cao (90,4%) với phần lớn có nhu cầu nghe thông tin từ cán bộ y tế bệnh viện khu vực và cán bộ y tế xã. Khoảng một nửa NCT mong muốn được điều trị tại bệnh viện khu vực và mong muốn được miễn viện phí. Cần đẩy mạnh hoạt động cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe của trạm y tế xã, đặc biệt là khám sức khỏe định kỳ.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên. Giáo trình Quản lý sức khỏe người cao tuổi. Đại học Thái Nguyên, 2025.
[2] Võ Văn Thắng, Võ Nữ Hồng Đức, Lương Thanh Bảo Yến và cộng sự. Đánh giá tình trạng và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Y học Việt Nam, 2021, 498 (2): 35-39. doi: 10.51298/vmj.v498i2.166.
[3] Phùng Thị Thắm, Lê Thị Châu An, Phan Văn Chính. Nhu cầu chăm sóc sức khỏe và các yếu tố liên quan của người cao tuổi trên địa bàn quận Tân Bình năm 2023. Tạp chí Y Dược thực hành 175, 2023 (36): 52-61. doi: 10.59354/ydth175.2023.228.
[4] Nguyễn Văn Sai. Thực trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc y tế của người cao tuổi tại hai huyện tỉnh Hải Dương năm 2013. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.
[5] Nguyễn Đức Toàn. Thực trạng sức khỏe người cao tuổi tại một số xã miền núi huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên và đề xuất giải pháp. Đại học Thái Nguyên, 2022.
[6] Quách Hữu Trung, Võ Thị Hồng Hướng. Khảo sát nhu cầu sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe nội trú ban ngày (daycare) của người cao tuổi tại quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Tạp chí Y học Việt Nam, 2021, 503 (1): 158-162. doi: 10.51298/vmj.v503i1.716.
[7] Trần Thái Phúc. Thực trạng nhu cầu chăm sóc y tế của người cao tuổi tại thành phố Thái Bình năm 2023. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, 2024, 7 (4): 6-14. doi: 10.54436/jns.2024.04.803
[8] Vũ Thị Cúc, Nguyễn Thị Minh Anh, Nguyễn Thị Thu Thủy và cộng sự. Nhu cầu và khả năng chi trả cho dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà của người cao tuổi tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024, 541 (1): 302-306. doi: 10.51298/vmj.v541i1.10681.